

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2021/HSST

Ngày 22-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Tĩnh

2/ Bà Trần Thị Hồng Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Vi, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2021/HSST ngày 15/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/HSST – QĐ ngày 06/12/2021 đối với bị cáo:

N; sinh năm: 1993 tại Long An; nơi cư trú: ấp H, xã M, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông B (sống) và bà C (sống); bản thân chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 27/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; tiền sự: Ngày 11/9/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian chấp hành 24 tháng; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bị hại: C, sinh năm 1975, cư ngụ: số 42 đường C, khu phố X, Phường G, thành phố T, tỉnh Long An, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: N, sinh năm 1997, cư ngụ số 35 ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 20/9/2021, N, đi bộ từ nhà bạn tại Đường số 13, khu dân cư Đại Dương, Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An để về nhà của N.

Khoảng 13 giờ, Ninh đi đến hẻm 151 Huỳnh Châu Sổ, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An, Ninh phát hiện 01 xe mô tô hiệu FULJIR màu nâu, biển số 62F5-7474 của anh C, dừng trước nhà số 151/45 Huỳnh Châu Sổ, Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An không có người trông coi nên N lén lút lấy xe mô tô trên. N đẩy xe ra phía trước, ngồi lên xe và nổ máy chạy tẩu thoát. Khi đến khu vực Công viên tượng đài Phường 5, thành phố Tân An, N tháo và vứt biển số xe mô tô biển số 62F5-7474 ven tuyến tránh Quốc lộ 1. Một lúc sau, bạn gái N (Na) gọi điện nhờ N đến khu vực Cầu Voi xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An rước N về thành phố Tân An, tỉnh Long An. N điều khiển xe vừa trộm được (đã vứt biển số) đến rước N. Khi về đến tuyến tránh Quốc lộ 1, Phường 6, thành phố Tân An thì xe hết xăng nên N điều khiển xe vào cây xăng Tân An, địa chỉ số 177 Quốc lộ 62, Phường 6, thành phố Tân An để đổ xăng. Lúc này lực lượng công an đến làm việc, N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

*Việc thu giữ đồ vật và xử lý vật chứng của vụ án:

01 áo sơ mi sọc dài tay sọc màu đen vàng;

01 quần sọt Jean màu đen;

01 nón lưỡi trai màu xanh bạc có chữ Tommy Hilfiger Denin;

01 xe mô tô hiệu FULJIR màu nâu + biển số xe 62F5-7474.

Tại Kết luận số 164/KL-HĐĐGTS ngày 21/9/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự xác định: xe mô tô hiệu FULJIR màu nâu, biển số 62F5-7474 có giá trị là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên Tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại cáo trạng số 88/CT-VKSTA-HS ngày 12/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo N về tội về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử: Tuyên bố bị cáo N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 50; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N từ 12 đến 15 tháng tù. Bị cáo N phải có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tân An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Khoảng 13 giờ ngày 20/9/2021, bị cáo Nguyễn Lê Nhựt Ninh lợi dụng lúc anh C không trông coi tài sản đã lén lút lấy 01 xe mô tô hiệu FULJIR màu nâu, biển số 62F5-7474 có giá trị là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) của anh Cường.

Căn cứ vào quy định về tội “Trộm cắp tài sản” tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 2.000.000đ nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự theo Cáo trạng số 88/CT-VKSTA-HS ngày 12/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã truy tố đối với bị cáo N là có căn cứ.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi trái pháp luật do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ việc xem thường pháp luật, không chịu lao động mà muốn có tiền của để tiêu xài theo lối sống thực dụng nên thúc đẩy và đưa bị cáo vào đường phạm tội, trực tiếp chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật quy định bảo vệ.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo lấy trộm tài sản có giá trị là 2.500.000đ nên bị cáo bị xét xử ở khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vật chứng vụ án:

01 áo sơ mi sọc dài tay sọc màu đen vàng;

01 quần sọt Jean màu đen;

01 nón lưỡi trai màu xanh bạc có chữ Tommy Hilfiger Denin.

Các vật chứng trên là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo không liên quan đến vụ án Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tân An đã trả cho bị cáo là phù hợp.

01 xe mô tô hiệu FULJIR màu nâu + biển số xe 62F5-7474

Vật chứng trên là tài sản thuộc sở hữu của anh C nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tân An đã trả cho anh Cường là phù hợp.

[7] Về phần trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác nên không đề cập.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bị cáo thi hành án.

Áp dụng vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án này. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TpTA;
- Công an TpTA;
- Bị cáo;
- THA, AV, Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thu Thảo

